

Số: 110 /KH-UBND

Đắk Nông, ngày 27 tháng 02 năm 2024

KẾ HOẠCH

Thực hiện nội dung “Cải thiện dinh dưỡng” thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2024

I. CƠ SỞ PHÁP LÝ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững 2021-2025;

Quyết định số 353/QĐ-TTg ngày 15/3/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo giai đoạn 2021-2025;

Quyết định số 3452/QĐ-BYT ngày 06/9/2023 của Bộ Y tế về việc ban hành hướng dẫn thực hiện nội dung “Cải thiện dinh dưỡng” thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025;

Quyết định số 4944/QĐ-BYT ngày 27/11/2014 của Bộ Y tế về việc ban hành Hướng dẫn quốc gia về phòng, chống thiếu vi chất dinh dưỡng;

Công văn số 3598/BYT-BM-TE ngày 29/4/2021 của Bộ Y tế về hướng dẫn xây dựng và triển khai Chương trình chăm sóc dinh dưỡng 1.000 ngày đầu đời;

Nghị quyết số 13/2023/NQ-HĐND ngày 21/11/2023 của HĐND tỉnh về sửa đổi bổ sung một số điều của Quy định, nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021-2025 ban hành kèm theo Nghị quyết 05/2022/NQ-HĐND ngày 17/3/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông;

Kế hoạch số 383/KH-UBND ngày 20/6/2023 của UBND tỉnh Đắk Nông về thực hiện nội dung “Cải thiện dinh dưỡng” thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông;

Kế hoạch số 528/KH-UBND ngày 14/8/2023 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2024 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

II. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH KẾ HOẠCH NĂM 2023

1. Tình hình thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch năm 2023

1.1. Kết quả thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững 2021-2025: 100% người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ tham gia bảo hiểm y tế.

1.2. Kết quả thực hiện chỉ tiêu so với mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình

- **Mục tiêu cụ thể 1:** Hạ xuống mức thấp các thể thiếu dinh dưỡng ở trẻ em dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo trên địa bàn tỉnh và trẻ em sinh sống trên địa bàn huyện nghèo Tuy Đức và Đắk Glong: Tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi thể thấp còi sinh sống trên địa bàn huyện nghèo: 33,7%; Tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi thể gầy còm sinh sống trên địa bàn huyện nghèo: 4,6%; Tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em lứa tuổi học đường từ 5-<16 tuổi thể thấp còi sinh sống trên địa bàn huyện nghèo: 28,7%.

- **Mục tiêu cụ thể 2:** Cải thiện tình trạng thiếu vi chất dinh dưỡng ở trẻ em dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo trên địa bàn tỉnh; Trẻ em, phụ nữ mang thai và cho con bú sinh sống trên địa bàn huyện nghèo Tuy Đức và Đắk Glong: Tỷ lệ trẻ em dưới 16 tuổi suy dinh dưỡng được bổ sung vi chất dinh dưỡng: Chưa triển khai; Tỷ lệ phụ nữ mang thai được cung cấp miễn phí viên đa vi chất: 72,4%.

- **Mục tiêu cụ thể 3:** Bảo đảm ứng phó về phòng, chống suy dinh dưỡng trong tình huống khẩn cấp cho hộ gia đình trên địa bàn huyện nghèo Tuy Đức và Đắk Glong: Tỷ lệ trẻ em 6-23 tháng ăn bổ sung đúng, đủ: 52,8%; Tỷ lệ hộ gia đình nghèo, cận nghèo, mới thoát nghèo được cung cấp các sản phẩm dinh dưỡng trong tình huống khẩn cấp (nếu có xảy ra): năm 2023 không có thiên tai xảy ra.

2. Tình hình huy động, phân bổ và sử dụng nguồn vốn

2.1. Tuyến tỉnh: Năm 2022, Sở Y tế không được giao vốn; Năm 2023, Sở Y tế tiếp nhận nguồn vốn từ Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững tại Quyết định số 2115/QĐ-UBND ngày 15/12/2022 của UBND tỉnh giao dự toán thực hiện chương trình với tổng kinh phí: 1.143 triệu đồng, trong đó: Ngân sách Trung ương 1.039 triệu đồng; ngân sách địa phương 104 triệu đồng, kết quả đã giải ngân đạt 100%.

2.2. Tuyến huyện: Các địa phương thực hiện nhiệm vụ và kế hoạch vốn đã giao trong năm 2023 theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại Thông báo số 748/TB-VUBND ngày 14/6/2023. Tuy nhiên, một số địa phương triển khai còn chậm hoặc chưa triển khai, do đó giải ngân nguồn vốn tại một số địa phương còn thấp như: Đắk R'Lấp: 0%; Tuy Đức: 24%; Đắk Glong: 36,9%; Đắk Song: 65,6%; Gia Nghĩa: 72,4% và đề xuất kéo dài nguồn vốn sang năm 2024.

3. Đánh giá chung

3.1. Ưu điểm

Chính phủ, các Bộ, ngành, cơ quan Trung ương, Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, UBND tỉnh tập trung chỉ đạo quyết liệt trong triển khai chương trình.

Sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương trong công tác tham mưu, ban hành kịp thời văn bản, quy định nhằm tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc về cơ chế, chính sách cũng như công tác chuyên môn trong quá trình triển khai thực hiện.

- Cơ bản các chỉ tiêu đạt được so với kế hoạch đề ra.

- Việc triển khai chương trình đã góp phần nâng cao chất lượng trong công tác CSSKND góp phần tích cực vào phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng nghèo, vùng đặc biệt khó khăn.

3.2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

- Công tác quản lý, tổ chức triển khai thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia tại một số địa phương chưa thực sự quyết liệt; thiếu chủ động trong nghiên cứu kỹ các văn bản hướng dẫn của trung ương và địa phương để triển khai thực hiện.

- Năm 2023, trên cơ sở hướng dẫn chuyên môn của Bộ Y tế, Sở Y tế là đầu mối xây dựng, tổ chức triển khai thực hiện các nội dung chuyên môn của các Dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần thuộc Chương trình trên toàn tỉnh. Tuy nhiên, nguồn kinh phí hoạt động của tuyến huyện được UBND tỉnh phân bổ trực tiếp cho UBND các huyện, thành phố, và UBND các huyện, thành phố giao trực tiếp cho Phòng Y tế và các phòng, ban, ngành khác điều phối tại một số địa phương, trong khi đó chưa chủ động trong công tác phối hợp với cơ quan chuyên môn tại địa phương nên khi triển khai, chỉ đạo hoạt động chuyên môn chưa thống nhất, thiếu sự đồng bộ.

- Một số địa phương trên địa bàn tỉnh đang gặp rất nhiều khó khăn trong công tác đấu thầu, mua sắm do tổ chức đấu thầu mua sắm nhưng không có nhà thầu tham gia vì vậy chưa mua được các sản phẩm dinh dưỡng, sắt để cung cấp cho các đối tượng được thụ hưởng trên địa bàn. Cân, thước đo chiều dài, chiều cao phục vụ hoạt động đánh giá tình trạng dinh dưỡng của trẻ em chưa có quy định về quy chuẩn kỹ thuật để địa phương tiến hành mua.

- Một số địa phương, Phòng Y tế đã giải thể và chuyển chức năng, nhiệm vụ về Văn phòng HĐND và UBND huyện, thành phố quản lý dẫn đến việc triển khai các hoạt động chuyên môn tại một số huyện còn chậm hoặc chưa triển khai và đề xuất kéo dài nguồn vốn sang năm 2024.

- Thiếu chủ động trong công tác phối hợp giữa đơn vị chủ trì các dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần các chương trình với cơ quan chuyên môn tại địa phương, nhất là trong công tác báo cáo theo thời hạn quy định của Chương trình, đơn vị đầu mối thiếu cơ sở để tổng hợp số liệu báo cáo.

4. Bài học kinh nghiệm

- Bám sát chủ trương, các quy định, hướng dẫn của cấp trên để cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ trong triển khai Chương trình.

- Theo dõi, đánh giá tiến độ triển khai để đôn đốc và kịp thời phát hiện các khó khăn vướng mắc, đề xuất các biện pháp giải quyết, tháo gỡ. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá; phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, đơn vị; sơ kết, đánh giá thực tiễn, kịp thời rút kinh nghiệm; ban hành kịp thời các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn chung để có sự đồng bộ, thống nhất.

- Huy động, lồng ghép chính sách, tích hợp nguồn lực; phối hợp tổ chức thực hiện các dự án trên cùng địa bàn để tránh trùng lặp giữa các Chương trình mục tiêu quốc gia. Điều phối và phân bổ nguồn vốn phù hợp với tình hình thực tế theo từng địa phương.

III. MỤC TIÊU VÀ CHỈ TIÊU

1. Mục tiêu chung

Cải thiện tình trạng dinh dưỡng và giảm suy dinh dưỡng thấp còi, chăm sóc sức khỏe, nâng cao thể trạng và tâm vóc của trẻ em dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo trên địa bàn tỉnh và trẻ em sinh sống trên địa bàn huyện nghèo Tuy Đức, Đắk Glong.

2. Mục tiêu cụ thể và các chỉ tiêu

2.1. Mục tiêu cụ thể 1: Hạ xuống mức thấp các thể thiếu dinh dưỡng ở trẻ em dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo trên địa bàn tỉnh và trẻ em sinh sống trên địa bàn huyện nghèo Tuy Đức và Đắk Glong.

- Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi thể thấp còi sinh sống trên địa bàn huyện nghèo từ 2% trở lên so với năm 2023.

- Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi thể gầy còm sinh sống trên địa bàn huyện nghèo xuống từ 0,5 - 1% so với năm 2023.

- Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em lứa tuổi học đường từ 5 đến dưới 16 tuổi thể thấp còi sinh sống trên địa bàn huyện nghèo xuống từ 2% trở lên so với năm 2023.

2.2. Mục tiêu cụ thể 2: Cải thiện tình trạng thiếu vi chất dinh dưỡng ở trẻ em dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo trên địa bàn tỉnh; Trẻ em, phụ nữ mang thai và cho con bú sinh sống trên địa bàn huyện nghèo Tuy Đức và Đắk Glong.

- Tối thiểu 80% trẻ em dưới 16 tuổi suy dinh dưỡng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo trên địa bàn tỉnh được bổ sung đa vi chất dinh dưỡng.

- Tối thiểu 80% phụ nữ mang thai sinh sống trên địa bàn huyện nghèo Tuy Đức và Đắk Glong được cung cấp miễn phí viên đa vi chất từ khi phát hiện mang thai đến 01 tháng sau sinh.

2.3. Mục tiêu cụ thể 3: Bảo đảm ứng phó về phòng, chống suy dinh dưỡng trong tình huống khẩn cấp cho hộ gia đình trên địa bàn huyện nghèo Tuy Đức và Đắk Glong.

- Tăng tỷ lệ trẻ em 6 - 23 tháng tuổi sinh sống trên địa bàn huyện nghèo Tuy Đức và Đắk Glong ăn bổ sung đúng, đủ tối thiểu 7-10% so với năm 2023.

- Tối thiểu đạt 80% hộ gia đình được cung cấp các sản phẩm dinh dưỡng trong tình huống khẩn cấp xảy ra trên địa bàn huyện nghèo Tuy Đức và Đắk Glong.

IV. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG, NỘI DUNG HỖ TRỢ

1. Phạm vi thực hiện

Thực hiện trên địa bàn tỉnh Đắk Nông, trọng tâm là các huyện nghèo theo Quyết định số 353/QĐ-TTg ngày 15/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo giai đoạn 2021-2025.

2. Đối tượng hỗ trợ trực tiếp

- Trẻ em dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo trên địa bàn tỉnh.

- Trẻ em dưới 16 tuổi sinh sống trên địa bàn huyện nghèo (huyện Tuy Đức và Đắk Glong).

- Phụ nữ mang thai và cho con bú, hộ gia đình, cơ sở y tế, trường học trên địa bàn huyện nghèo (huyện Tuy Đức và Đắk Glong).

3. Đối tượng áp dụng hướng dẫn

Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện và thụ hưởng từ việc thực hiện hoạt động cải thiện dinh dưỡng.

4. Nội dung hỗ trợ

- Hỗ trợ tiếp cận, can thiệp trực tiếp phòng, chống suy dinh dưỡng, thiếu vi chất dinh dưỡng cho bà mẹ, trẻ em dưới 5 tuổi thuộc hộ gia đình nghèo và cận nghèo; người dân sinh sống trên địa bàn huyện nghèo.

- Tăng cường hoạt động cải thiện chất lượng bữa ăn học đường và giáo dục chăm sóc dinh dưỡng; can thiệp, phòng, chống thiếu vi chất dinh dưỡng; bảo vệ chăm sóc dinh dưỡng cho trẻ học đường từ 5 đến 16 tuổi.

V. NGUYÊN TẮC, ĐIỀU KIỆN, PHƯƠNG THỨC HỖ TRỢ

1. Nguyên tắc, điều kiện hỗ trợ

- Nguyên tắc, điều kiện hỗ trợ thực hiện theo quy định hiện hành của Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

- Trường hợp đối tượng, nội dung hỗ trợ trùng lặp với chương trình, dự án khác có nguồn vốn từ ngân sách nhà nước thì chỉ lựa chọn thực hiện theo 01 chương trình, dự án; trong đó ưu tiên lựa chọn thực hiện theo chương trình, dự án có định mức hỗ trợ cao hơn.

2. Phương thức hỗ trợ

- Hỗ trợ trực tiếp đối tượng phụ nữ mang thai và cho con bú, trẻ em dưới 5 tuổi tiếp cận với các can thiệp phòng chống suy dinh dưỡng, thiếu vi chất dinh dưỡng (cung cấp dịch vụ tư vấn dinh dưỡng, vi chất dinh dưỡng, sản phẩm dinh dưỡng, quản lý suy dinh dưỡng cấp tính tại cộng đồng).

- Hỗ trợ can thiệp trực tiếp trẻ em từ 5 đến dưới 16 tuổi cải thiện bữa ăn học đường, theo dõi tình trạng dinh dưỡng định kỳ và tư vấn dinh dưỡng, hỗ trợ dinh dưỡng cho trẻ bị suy dinh dưỡng, giáo dục cho trẻ về chăm sóc dinh dưỡng hợp lý và tăng cường vận động thể lực, phòng chống suy dinh dưỡng.

- Hỗ trợ nâng cao nhận thức và hành vi của các đối tượng thông qua việc tăng cường công tác thông tin, truyền thông, tư vấn về chăm sóc dinh dưỡng cho phụ nữ mang thai và cho con bú, trẻ em dưới 16 tuổi và người chăm sóc.

- Hỗ trợ nâng cao năng lực cho cán bộ y tế cơ sở, nhân viên y tế thôn bản; tăng cường nguồn lực và phối hợp liên ngành về cải thiện chăm sóc dinh dưỡng và theo dõi, giám sát, đánh giá, báo cáo kết quả hoạt động của Chương trình.

VI. CÁC NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG CHÍNH

1. Hoạt động can thiệp phòng, chống suy dinh dưỡng, thiếu vi chất dinh dưỡng cho bà mẹ mang thai và cho con bú, trẻ em từ 0 tuổi đến 16 tuổi

1.1. Cung cấp các dịch vụ tư vấn dinh dưỡng cho bà mẹ từ lúc mang thai cho đến khi trẻ được 2 tuổi

Thực hiện theo hướng dẫn tại Công văn số 3598/BYT-BM-TE ngày 29/4/2021 của Bộ Y tế về hướng dẫn xây dựng và triển khai Chương trình chăm sóc dinh dưỡng 1.000 ngày đầu đời của Bộ Y tế và tài liệu hướng dẫn tư vấn dinh dưỡng 1.000 ngày đầu đời của Viện Dinh dưỡng và các văn bản hiện hành, cụ thể: Tổ chức sàng lọc và đánh giá dinh dưỡng cho bà mẹ mang thai và trẻ em dưới 2 tuổi theo định kỳ ứng với từng thời điểm tiếp xúc. Theo dõi tăng trưởng của trẻ dưới 2 tuổi định kỳ 3 tháng/lần, trẻ suy dinh dưỡng dưới 2 tuổi hằng tháng; Tư vấn dinh dưỡng cho phụ nữ có thai, bà mẹ nuôi con nhỏ dưới 2 tuổi về dinh dưỡng trong 1000 ngày đầu đời.

1.2. Bổ sung vi chất dinh dưỡng cho các nhóm đối tượng

Các huyện, thành phố rà soát lại hiện trạng, nguồn cung ứng và nguồn hỗ trợ khác nếu có, xây dựng kế hoạch và thực hiện theo các quy định hiện hành về mua sắm, cấp phát và quản lý các sản phẩm vi chất dinh dưỡng theo các nhóm đối tượng dưới đây:

a) Bổ sung vitamin A cho trẻ em từ 6 tháng đến 59 tháng tuổi

Bổ sung vitamin A cho trẻ em từ 6 tháng đến 59 tháng tuổi đang sinh sống tại huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo. Các địa bàn còn lại vẫn triển khai như quy định hiện hành và do nguồn ngân sách hợp pháp khác chi trả.

Quy trình thực hiện: Tuân thủ theo hướng dẫn chi tiết tại Quyết định số 3452/QĐ-BYT ngày 06/9/2023 của Bộ Y tế về việc ban hành hướng dẫn thực hiện nội dung “Cải thiện dinh dưỡng” thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

b) Bổ sung vi chất dinh dưỡng cho trẻ em từ 6 tháng đến 59 tháng tuổi bị suy dinh dưỡng thấp còi

Theo điều kiện địa phương có thể bổ sung các vi chất khác và tuân thủ theo các quy định hiện hành, liều bổ sung không vượt quá nhu cầu khuyến nghị của vi chất dinh dưỡng đó cho cùng đối tượng.

Quy trình thực hiện: Tuân thủ theo hướng dẫn chi tiết tại Quyết định số 3452/QĐ-BYT ngày 06/9/2023 của Bộ Y tế về việc ban hành hướng dẫn thực hiện nội dung “Cải thiện dinh dưỡng” thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

c) Bổ sung vi chất dinh dưỡng cho trẻ em từ 5 tuổi đến dưới 16 tuổi bị suy dinh dưỡng

Căn cứ vào tình hình thực tế để lựa chọn theo mức độ ưu tiên là bổ sung các vi chất dinh dưỡng (hàng ngày) hoặc vi chất sắt (hàng tuần). Ngoài ra có thể bổ sung các vi chất dinh dưỡng khác tùy theo điều kiện địa phương và tuân thủ theo các quy định hiện hành, liều bổ sung không vượt quá nhu cầu khuyến nghị của vi chất đó cho cùng đối tượng.

Quy trình thực hiện: Tuân thủ theo hướng dẫn chi tiết tại Quyết định số 3452/QĐ-BYT ngày 06/9/2023 của Bộ Y tế về việc ban hành hướng dẫn thực hiện nội dung “Cải thiện dinh dưỡng” thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

d) Bổ sung vi chất sắt cho trẻ em gái vị thành niên từ 12 tuổi đến dưới 16 tuổi có kinh nguyệt.

Theo điều kiện địa phương có thể bổ sung các vi chất dinh dưỡng khác và tuân thủ theo các quy định hiện hành, liều bổ sung không vượt quá nhu cầu khuyến nghị của vi chất đó cho cùng đối tượng.

Quy trình thực hiện: Tuân thủ theo hướng dẫn chi tiết tại Quyết định số 3452/QĐ-BYT ngày 06/9/2023 của Bộ Y tế về việc ban hành hướng dẫn thực hiện nội dung “Cải thiện dinh dưỡng” thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

e) Bổ sung vi chất dinh dưỡng cho phụ nữ mang thai

Căn cứ vào tình hình thực tế tại địa phương để lựa chọn theo mức độ ưu tiên là bổ sung các vi chất dinh dưỡng (hàng ngày) hoặc vi chất sắt/folic (hàng ngày). Ngoài ra, có thể bổ sung các vi chất dinh dưỡng khác tùy theo điều kiện địa phương và tuân thủ theo các quy định hiện hành, liều bổ sung không vượt quá nhu cầu khuyến nghị của vi chất đó cho cùng đối tượng.

Quy trình thực hiện: Tuân thủ theo hướng dẫn chi tiết tại Quyết định số 3452/QĐ-BYT ngày 06/9/2023 của Bộ Y tế về việc ban hành hướng dẫn thực hiện nội dung “Cải thiện dinh dưỡng” thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

1.3. Phát hiện, điều trị và quản lý suy dinh dưỡng cấp tính ở trẻ em tại cộng đồng.

- Đối tượng: Trẻ em từ 0 đến 72 tháng tuổi được chẩn đoán suy dinh dưỡng cấp tính nặng.

- Thực hiện theo hướng dẫn tại Quyết định số 4487/QĐ-BYT ngày 18/8/2016 của Bộ Y tế ban hành hướng dẫn chẩn đoán về điều trị bệnh suy dinh dưỡng cấp tính ở trẻ em từ 0 đến 72 tháng tuổi và Quyết định số 3779/QĐ-BYT ngày 26/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành hướng dẫn thực hiện quản lý suy dinh dưỡng cấp tính ở trẻ em từ 0 đến 72 tháng tuổi và hướng dẫn của các đơn vị chuyên môn thuộc, trực thuộc Bộ Y tế. Bao gồm các hoạt động: Tổ chức khám sàng lọc để phát hiện trẻ và đưa vào chương trình; Quản lý và điều trị trẻ bị suy dinh dưỡng cấp tính nặng tại cộng đồng; Tổ chức mua, quản lý cấp phát và sử dụng các sản phẩm dinh dưỡng theo đúng hướng dẫn của Bộ Y tế; Tư vấn hướng dẫn dinh dưỡng cho bà mẹ, người chăm sóc và thăm hộ gia đình theo hướng dẫn của Bộ Y tế.

1.4. Tẩy giun định kỳ cho trẻ em dưới 6 tuổi và phụ nữ tuổi sinh đẻ chuẩn bị mang thai: Số lượng cấp phát: Trẻ em từ 2 tuổi đến dưới 6 tuổi, phụ nữ lứa tuổi sinh đẻ tẩy giun 2 lần/năm. Thực hiện theo hướng dẫn tại Quyết định số 6437/QĐ-BYT ngày 25/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Hướng dẫn tẩy giun đường ruột tại cộng đồng. Hoạt động thực hiện trên địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo. Các địa bàn còn lại vẫn triển khai như quy định hiện hành và do nguồn ngân sách hợp pháp khác.

1.5. Lập kế hoạch và dự trữ nguồn sản phẩm dinh dưỡng cho việc ứng phó với ảnh hưởng thiên tai, thảm họa, dịch bệnh đối với việc chăm sóc dinh dưỡng bà mẹ mang thai và cho con bú, trẻ em. Thực hiện tại các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo.

- Số lượng sản phẩm dinh dưỡng: theo nhu cầu thực tế của từng đơn vị, địa phương.

- Thực hiện theo hướng dẫn kỹ thuật chuẩn bị và ứng phó về dinh dưỡng trong tình huống khẩn cấp và các hướng dẫn của các đơn vị chuyên môn trực thuộc Bộ Y tế. Hàng năm, địa phương cần xây dựng được kế hoạch ứng phó về dinh dưỡng với khẩn cấp hoặc lồng ghép trong kế hoạch ứng phó về thiên tai thảm họa của tỉnh.

- Có kế hoạch sử dụng các trang thiết bị, vật tư, thuốc, sản phẩm dinh dưỡng nếu không có tình huống khẩn cấp xảy ra một cách phù hợp, hiệu quả, tránh lãng phí.

1.6. Tăng cường chăm sóc dinh dưỡng cho phụ nữ có thai, bà mẹ cho con bú; tăng cường nuôi con bằng sữa mẹ và ăn bổ sung thông qua các hình thức truyền thông trực tiếp như thảo luận nhóm, hướng dẫn trình diễn thức ăn cho trẻ em cho đối tượng là phụ nữ có thai và bà mẹ/người chăm sóc trẻ dưới 2 tuổi tại Trạm Y tế xã, phường, thị trấn, thôn bản.

- Thực hiện theo Quyết định số 4128/QĐ-BYT, ngày 29/7/2016 của Bộ Y tế ban hành Hướng dẫn Quốc gia về các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản; Công văn số 3598/BYT-BM-TE, ngày 29/4/2021 của Bộ Y tế về hướng dẫn xây dựng và triển khai Chương trình Chăm sóc dinh dưỡng 1.000 ngày đầu đời của Bộ Y tế và các hướng dẫn khác của các đơn vị chuyên môn trực thuộc Bộ Y tế.

1.7. Tổ chức thực hiện bữa ăn đảm bảo dinh dưỡng và giáo dục dinh dưỡng cho học sinh.

- Thực hiện theo các hướng dẫn chuyên môn hiện hành của ngành Y tế và ngành Giáo dục.

- Phối hợp giữa ngành Giáo dục và Y tế, lập kế hoạch, tập huấn cho các cán bộ triển khai dự án về tổ chức bữa ăn học đường, các kiến thức và kỹ năng giáo dục dinh dưỡng học đường, đẩy mạnh chất lượng giáo dục dinh dưỡng chính khóa và các hình thức ngoại khóa phù hợp với điều kiện địa phương. Cán bộ y tế có vai trò tham gia hướng dẫn chuyên môn và giám sát hoạt động cho các trường học triển khai bữa ăn bán trú và công tác giáo dục dinh dưỡng trong trường học, phối hợp với giáo dục dinh dưỡng tại gia đình. Triển khai các mô hình tạo nguồn thực phẩm tại chỗ ở địa phương thông qua kết hợp với các dự án thành phần khác của Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

1.8. Tư vấn dinh dưỡng về chăm sóc dinh dưỡng hợp lý và tăng cường vận động thể lực; phòng, chống suy dinh dưỡng và thiếu vi chất dinh dưỡng tại trường học.

- Thực hiện theo các hướng dẫn hiện hành của ngành Y tế và Giáo dục (Thông tư số 23/2017/TT-BYT ngày 15/5/2017 của Bộ Y tế hướng dẫn việc lập hồ sơ theo dõi sức khỏe, khám sức khỏe định kỳ theo độ tuổi cho trẻ em; tư vấn chăm sóc sức khỏe và dinh dưỡng cho phụ nữ mang thai và trẻ em; Tài liệu hướng dẫn công tác y tế trường học ban hành theo Quyết định số 3822/QĐ-BGDĐT ngày 23/11/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các văn bản cập nhật.

- Phối hợp giữa ngành Giáo dục và Y tế, lập kế hoạch và tập huấn cho cán bộ triển khai dự án về dinh dưỡng và hoạt động thể lực hợp lý, các kiến thức và kỹ năng cần thiết để triển khai hoạt động. Ngành Y tế tham gia với vai trò hướng dẫn chuyên môn và giám sát hoạt động. Các cơ sở giáo dục tổ chức các hình thức tư vấn phù hợp, lồng ghép với chăm sóc y tế học đường. Tạo điều kiện cơ sở vật chất để học sinh có thể thực hành dinh dưỡng và thể lực hợp lý.

1.9. Hướng dẫn, tổ chức khảo sát, theo dõi, đánh giá tình trạng dinh dưỡng hàng năm và định kỳ theo kế hoạch của trẻ em dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; trẻ em dưới 16 tuổi và phụ nữ mang

thai trên địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo.

- Thực hiện theo hướng dẫn của các đơn vị chuyên môn trực thuộc Bộ Y tế (tùy theo thực tế, có thể bao gồm: cân đo nhân trắc, xét nghiệm máu, phỏng vấn khẩu phần, chế độ ăn, thói quen tiêu thụ thực phẩm, phỏng vấn thông tin nhân khẩu học, tiền sử nuôi dưỡng, tiền sử bệnh tật, phỏng vấn về thực hành dinh dưỡng và các yếu tố nguy cơ). Đối tượng phỏng vấn bao gồm cả đối tượng thụ hưởng chương trình và các đối tượng có tham gia chương trình hoặc ảnh hưởng đến đối tượng thụ hưởng.

1.10. Cung cấp trang thiết bị đánh giá tình trạng dinh dưỡng của trẻ em cho cơ sở y tế tỉnh, huyện, xã, thôn bản và trường học, cung cấp các dụng cụ thực hành dinh dưỡng, vật tư y tế, tài liệu truyền thông, tài liệu chuyên môn để triển khai các hoạt động theo dõi, giám sát tình trạng dinh dưỡng và can thiệp tại cộng đồng. Địa phương rà soát lại hiện trạng và thực hiện theo các quy định hiện hành về mua sắm, cấp phát và quản lý.

1.11. Tổ chức hướng dẫn, nói chuyện chuyên đề, tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ y tế các tuyến, nhân viên y tế thôn bản, cộng tác viên dinh dưỡng, y tế trường học, giáo viên, cán bộ làm công tác dinh dưỡng ở trường học và liên ngành khác về cải thiện chăm sóc dinh dưỡng bà mẹ và trẻ em.

- Hướng dẫn, tập huấn cho cán bộ dinh dưỡng tuyến tỉnh, huyện, xã và thôn bản về công tác triển khai và các kỹ thuật chuyên môn triển khai hoạt động về dinh dưỡng.

- Hướng dẫn, tập huấn cho y tế trường học và giáo viên trường học tuyến tỉnh, huyện, xã để hỗ trợ triển khai hoạt động về dinh dưỡng tại trường học.

- Tổ chức hội nghị, hội thảo, hướng dẫn, nói chuyện chuyên đề cho cán bộ y tế tuyến tỉnh, huyện xã, nhân viên y tế thôn bản, y tế trường học, giáo viên, cán bộ giám nghèo, cán bộ nông nghiệp, phụ nữ về cải thiện chăm sóc dinh dưỡng phụ nữ, trẻ em từ 0 đến dưới 16 tuổi.

- Hàng năm, tỉnh dựa trên nhu cầu thực tế đề xuất kế hoạch tập huấn, tổ chức tập huấn theo phương thức giảng viên trung ương tập huấn cho tỉnh, huyện, cán bộ tuyến tỉnh tập huấn cho tuyến huyện, xã, thôn bản, cán bộ tuyến huyện tập huấn cho tuyến xã, thôn, bản.

2. Hoạt động về truyền thông dinh dưỡng

- Xây dựng, biên tập các nội dung truyền thông hoặc sử dụng các tài liệu truyền thông do Trung ương cấp để truyền thông tại cộng đồng. Nhân bản, phát sóng, phát hành nội dung truyền thông bằng nhiều hình thức và nhiều kênh truyền thông, bao gồm truyền thông đại chúng, loa đài, báo giấy, tờ rơi, pano, áp phích, khẩu hiệu, tháp dinh dưỡng, đoạn băng hình, internet - mạng xã hội, phần mềm công nghệ số.

- Tổ chức các chiến dịch, lễ phát động, các buổi truyền thông trong tuần lễ nuôi con bằng sữa mẹ, tuần lễ dinh dưỡng và phát triển, ngày vi chất dinh

dưỡng, ngày tiêm chủng theo điều kiện, kế hoạch của địa phương và dựa trên các công văn hướng dẫn của Bộ Y tế hàng năm.

3. Hoạt động về nâng cao năng lực và kiểm tra, giám sát, khảo sát, đánh giá thực hiện (Dự án 7)

3.1. Dự án 7: Hoạt động về nâng cao năng lực

- Đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ cho đội ngũ làm công tác giảm nghèo.

- Tổ chức học tập, trao đổi kinh nghiệm trong và ngoài nước; tổ chức hội thảo, hội nghị và các hoạt động khác về công tác giảm nghèo.

3.2. Kiểm tra, giám sát, khảo sát, đánh giá thực hiện

- Chế độ báo cáo, kiểm tra, giám sát, khảo sát và đánh giá thực hiện Chương trình theo Thông tư hướng dẫn của Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025. Đơn vị tuyến tỉnh, huyện theo dõi, kiểm tra, giám sát hoạt động dinh dưỡng tuyến xã, phường và thôn, bản. Thực hiện giám sát theo kế hoạch hàng năm.

- Lập kế hoạch thu thập các thông tin để khảo sát, đánh giá cho các huyện, xã can thiệp, hàng năm có khảo sát, đánh giá lại và khảo sát, đánh giá cuối kỳ. Theo dõi và báo cáo các chỉ số giám sát quá trình triển khai hoạt động theo quy định. Báo cáo về nguồn vốn được tiếp nhận, huy động các nguồn vốn hợp pháp và sử dụng cho chương trình.

VII. KINH PHÍ

Kinh phí thực hiện từ nguồn kinh phí bố trí cho Tiểu dự án 2 “Cải thiện dinh dưỡng” của Dự án 3 và Dự án 7 “Nâng cao năng lực, giám sát và đánh giá chương trình” thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững được UBND tỉnh giao tại Quyết định số 1712/QĐ-UBND ngày 13/12/2023 và các nguồn kinh phí hợp pháp khác có liên quan để thực hiện chương trình.

VIII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Y tế

- Đầu mối tổ chức thực hiện nội dung “Cải thiện dinh dưỡng” thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2024 trên địa bàn tỉnh.

- Trên cơ sở Kế hoạch này, xây dựng Kế hoạch thực hiện nội dung “Cải thiện dinh dưỡng” thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững năm 2024.

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, đoàn thể liên quan và UBND các huyện, thành phố tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch trên phạm vi toàn tỉnh; hướng dẫn, hỗ trợ chuyên môn kỹ thuật cho các Sở, ngành, địa phương và cơ quan, tổ chức có liên quan triển khai thực hiện nội dung của Kế hoạch; hướng dẫn các địa phương lồng ghép việc thực hiện các hoạt động liên quan trên cùng

địa bàn. Đôn đốc, kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện Kế hoạch; định kỳ tổng hợp, đánh giá kết quả, báo cáo UBND tỉnh, Bộ Y tế theo quy định.

2. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Y tế và các Sở, ngành liên quan cân đối, bố trí nguồn lực để thực hiện Kế hoạch. Hướng dẫn, kiểm tra giám sát việc thực hiện kinh phí đúng mục tiêu, có hiệu quả và tuân thủ các quy định của pháp luật.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Phối hợp với Sở Tài chính và Sở Y tế, các đơn vị liên quan cân đối, bố trí nguồn lực của tỉnh để thực hiện Kế hoạch theo quy định hiện hành.

4. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

Phối hợp với Sở Y tế trong việc tổ chức triển khai nội dung của Kế hoạch thuộc Chương trình; tổng hợp, tham mưu, đề xuất tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch.

5. Sở Giáo dục và Đào tạo

Phối hợp với Sở Y tế và các đơn vị có liên quan triển khai các hoạt động “Cải thiện dinh dưỡng” thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2024 tại tỉnh; chỉ đạo các cơ sở giáo dục triển khai các hoạt động tại trường học (bữa ăn học đường, theo dõi đánh giá dinh dưỡng, giáo dục dinh dưỡng, tư vấn và hỗ trợ sản phẩm dinh dưỡng).

6. Yêu cầu các Sở, ngành và đoàn thể có liên quan: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Thông tin và Truyền thông, Đài Phát thanh và Truyền hình Đắk Nông, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, phối hợp với Sở Y tế để nghiên cứu lồng ghép nội dung kế hoạch với các chương trình, dự án khác do cơ quan, đơn vị chủ trì thực hiện đảm bảo hiệu quả, không chồng chéo. Tăng cường công tác tuyên truyền nhằm phổ biến các chủ trương, chính sách của Kế hoạch.

7. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

Căn cứ Kế hoạch này và tình hình thực tế tại địa phương, chỉ đạo xây dựng Kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện nội dung “Cải thiện dinh dưỡng” thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững năm 2024 trên địa bàn, đảm bảo đúng đối tượng được hưởng lợi, hoạt động không trùng với các nội dung hoạt động của các dự án khác, đạt mục tiêu và hiệu quả, đúng quy định của Chương trình; huy động nguồn lực khác để thực hiện các hoạt động cải thiện dinh dưỡng. Thực hiện kiểm tra, giám sát, khảo sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện hoạt động theo định kỳ, đột xuất.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện nội dung “Cải thiện dinh dưỡng” thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2024 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông. Đề nghị các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, UBND huyện, thành

phổ và các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện. Báo cáo kết quả triển khai Kế hoạch thực hiện Chương trình theo quy định.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh, vướng mắc vượt thẩm quyền thì tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh (thông qua Sở Y tế) để xem xét, chỉ đạo kịp thời. /.

Nơi nhận:

- Bộ Y tế;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành, Hội LHPN tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX (S).



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Tôn Thị Ngọc Hạnh

Phụ lục 01**CHỈ TIÊU HÀNG NĂM THỰC HIỆN VÀ ĐÁNH GIÁ***(Kèm theo Kế hoạch số: 110/KH-UBND ngày 27 tháng 02 năm 2024 của UBND tỉnh)*

TT	Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024
1	Giảm tỷ lệ % suy dinh dưỡng thể thấp còi ở trẻ em dưới 5 tuổi	32,9%	Giảm từ 2% trở lên so với 2023
2	Giảm tỷ lệ % suy dinh dưỡng thể gầy còm ở trẻ em dưới 5 tuổi	4,6%	Giảm từ 0,5 - 1% so với năm 2023
3	Giảm tỷ lệ % suy dinh dưỡng thể thấp còi ở trẻ em lứa tuổi học đường từ 5 đến dưới 16 tuổi	27,8%	Giảm từ 2% trở lên so với 2023
4	Tăng tỷ lệ % trẻ em dưới 16 tuổi suy dinh dưỡng được bổ sung đa vi chất dinh dưỡng.	Chưa triển khai	Đạt độ bao phủ tối thiểu 80%
5	Tăng tỷ lệ % phụ nữ mang thai được cung cấp miễn phí viên đa vi chất	72,4%	Đạt độ bao phủ tối thiểu 80%
6	Tăng tỷ lệ % trẻ em 6-23 tháng ăn bổ sung đúng, đủ	52,8%	Tăng 7-10% so với 2023
7	Tỷ lệ % Hộ gia đình nghèo, cận nghèo, mới thoát nghèo được cung cấp các sản phẩm dinh dưỡng trong tình huống khẩn cấp	Chưa xảy ra	Độ bao phủ tối thiểu 80%

Phụ lục 02

**Giao chỉ tiêu chuyên môn năm 2024, các hoạt động Tiểu dự án 2 “Cải thiện dinh dưỡng”
thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2024 đối với
các huyện, thành phố quản lý, thực hiện, theo dõi và đánh giá**
(Kèm theo Kế hoạch số: 110/KH-UBND ngày 27 tháng 02 năm 2024 của UBND tỉnh)

TT	Chỉ tiêu	Các huyện, thành phố							
		Cư Jút	Krông Nô	Đắk Mil	Đắk Song	Đắk R'Lấp	Tuy Đức	Đắk Glong	Thành phố Gia Nghĩa
1	Giảm tỷ lệ % suy dinh dưỡng thể thấp còi ở trẻ em dưới 5 tuổi	≤ 22,8	≤ 22,46	≤ 18,8	≤ 26,0	≤ 23,0	≤ 36,0	≤ 28,4	≤ 22,62
2	Giảm tỷ lệ % suy dinh dưỡng thể gầy còm ở trẻ em dưới 5 tuổi	Giảm từ 0,5 - 1% so với năm 2023	Giảm từ 0,5 - 1% so với năm 2023	Giảm từ 0,5 - 1% so với năm 2023	Giảm từ 0,5 - 1% so với năm 2023	Giảm từ 0,5 - 1% so với năm 2023	Giảm từ 0,5 - 1% so với năm 2023	Giảm từ 0,5 - 1% so với năm 2023	Giảm từ 0,5 - 1% so với năm 2023
3	Giảm tỷ lệ % suy dinh dưỡng thể thấp còi ở trẻ học đường 5-16 tuổi	Giảm từ 2% trở lên so với 2023	Giảm từ 2% trở lên so với 2023	Giảm từ 2% trở lên so với 2023	Giảm từ 2% trở lên so với 2023	Giảm từ 2% trở lên so với 2023	Giảm từ 2% trở lên so với 2023	Giảm từ 2% trở lên so với 2023	Giảm từ 2% trở lên so với 2023
4	Tăng tỷ lệ% trẻ em dưới 16 tuổi suy dinh dưỡng được bổ sung đa vi chất dinh dưỡng	Đạt độ bao phủ tối thiểu 80%	Đạt độ bao phủ tối thiểu 80%	Đạt độ bao phủ tối thiểu 80%	Đạt độ bao phủ tối thiểu 80%	Đạt độ bao phủ tối thiểu 80%	Đạt độ bao phủ tối thiểu 80%	Đạt độ bao phủ tối thiểu 80%	Đạt độ bao phủ tối thiểu 80%
5	Tăng tỷ lệ % phụ nữ mang thai được cung cấp miễn phí viên đa vi chất	-	-	-	-	-	Đạt độ bao phủ tối thiểu 80%	Đạt độ bao phủ tối thiểu 80%	-

TT	Chỉ tiêu	Các huyện, thành phố							
		Cư Jút	Krông Nô	Đắk Mil	Đắk Song	Đắk R'Lấp	Tuy Đức	Đắk Glong	Thành phố Gia Nghĩa
6	Tăng tỷ lệ % trẻ em 6-23 tháng ăn bổ sung đúng, đủ	-	-	-	-	-	Tăng từ 7-10% so với 2023	Tăng từ 7-10% so với 2023	-
7	Tỷ lệ % Hộ gia đình nghèo, cận nghèo, mới thoát nghèo được cung cấp các sản phẩm dinh dưỡng trong tình huống khẩn cấp	-	-	-	-	-	Độ bao phủ tối thiểu 80%	Độ bao phủ tối thiểu 80%	-

Phụ lục 03

**CÁC HOẠT ĐỘNG CAN THIỆP TRIỂN KHAI TẠI CÁC HUYỆN,
XÃ THEO QUYẾT ĐỊNH 353/QĐ-TTg ngày 15/03/2023 CỦA
THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ VÀ CÁC HUYỆN, XÃ KHÁC**

(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày /02/2024 của UBND tỉnh)

Đối tượng hỗ trợ trực tiếp: Trẻ em dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo trên phạm vi toàn tỉnh; Trẻ em dưới 16 tuổi sinh sống trên địa bàn huyện nghèo; phụ nữ mang thai và cho con bú, hộ gia đình, cơ sở y tế, trường học trên địa bàn huyện nghèo.

Stt	Hoạt động	Huyện, xã theo QĐ số 353/QĐ-TTg	Huyện, xã khác	Nguồn kinh phí
1	Dịch vụ tư vấn dinh dưỡng cho bà mẹ từ lúc mang thai cho đến khi trẻ được 2 tuổi	x	Tư vấn cho bà mẹ có con dưới 2 tuổi	Dự án 3 và nguồn khác
2	Bổ sung vitamin A cho trẻ em từ 6-59 tháng tuổi	x	Thực hiện theo hướng dẫn hiện hành bằng nguồn khác	Dự án 3 và nguồn khác
3	Bổ sung vi chất cho trẻ 6 tháng đến 59 tháng tuổi bị suy dinh dưỡng thấp còi	x	x	Dự án 3 và nguồn khác
4	Bổ sung vi chất cho trẻ em từ 5 tuổi đến 16 tuổi bị suy dinh dưỡng	x	x	Dự án 3 và nguồn khác
5	Bổ sung vi chất sắt cho trẻ em gái vị thành niên từ 12 đến dưới 16 tuổi có kinh nguyệt	x	x	Dự án 3 và nguồn khác
6	Bổ sung vi chất cho phụ nữ mang thai	x	Không	Dự án 3 và nguồn khác
7	Phát hiện, điều trị và quản lý suy dinh dưỡng cấp tính ở trẻ em tại cộng đồng	x	x	Dự án 3 và nguồn khác
8	Tẩy giun định kỳ cho trẻ em dưới 6 tuổi và phụ nữ tuổi sinh đẻ chuẩn bị mang thai	x	Thực hiện theo hướng dẫn hiện hành bằng nguồn khác	Dự án 3 và nguồn khác
9	Lập kế hoạch và dự trữ nguồn sản phẩm dinh dưỡng cho việc ứng phó với ảnh hưởng thiên tai, thảm họa, dịch bệnh đối với việc chăm sóc dinh dưỡng bà mẹ mang thai và cho con bú, trẻ em	x	Không	Dự án 3 và nguồn khác
10	Tăng cường chăm sóc dinh dưỡng cho phụ nữ có thai, bà mẹ cho con bú; tăng cường nuôi con bằng sữa mẹ và ăn bổ	x	Chỉ cho bà mẹ có con nhỏ	Dự án 3 và nguồn khác

Stt	Hoạt động	Huyện, xã theo QĐ số 353/QĐ-TTg	Huyện, xã khác	Nguồn kinh phí
	sung thông qua các hình thức truyền thông trực tiếp như thảo luận nhóm, hướng dẫn trình diễn thức ăn cho trẻ em cho đối tượng là phụ nữ có thai và bà mẹ, người chăm sóc trẻ dưới 2 tuổi tại Trạm Y tế xã, phường, thị trấn, thôn bản			
11	Tổ chức thực hiện bữa ăn đảm bảo dinh dưỡng và giáo dục dinh dưỡng cho học sinh	x	Không	Dự án 3 và nguồn khác
12	Tư vấn về chăm sóc dinh dưỡng hợp lý và tăng cường vận động thể lực, phòng chống suy dinh dưỡng và thiếu vi chất dinh dưỡng tại trường học	x	Chỉ thực hiện cho nhóm đối tượng của chương trình	Dự án 3 và nguồn khác
13	Hướng dẫn, tổ chức khảo sát, theo dõi, đánh giá tình trạng dinh dưỡng hàng năm và định kỳ theo kế hoạch của trẻ em dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; trẻ em dưới 16 tuổi trên địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo	x	Chỉ khảo sát trên nhóm đối tượng của chương trình	Dự án 3, 7 và nguồn khác
14	Cung cấp trang thiết bị đánh giá tình trạng dinh dưỡng của trẻ em cho cơ sở y tế tỉnh, huyện, xã, thôn bản và trường học, cung cấp các dụng cụ thực hành dinh dưỡng, vật tư y tế, tài liệu truyền thông, tài liệu chuyên môn	x	Chỉ phục vụ cho nhóm đối tượng của chương trình	Dự án 3 và nguồn khác
15	Tổ chức hướng dẫn, nói chuyện chuyên đề, tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ y tế các tuyến, nhân viên y tế thôn bản, cộng tác viên dinh dưỡng, y tế trường học, giáo viên, cán bộ làm công tác dinh dưỡng ở trường học và liên ngành khác về cải thiện chăm sóc dinh dưỡng bà mẹ và trẻ em	x	x	Dự án 3, 7 và nguồn khác
16	Xây dựng, biên tập các nội dung truyền thông hoặc sử dụng các tài liệu truyền thông do Trung ương cấp để truyền thông tại cộng đồng. Nhân bản, phát sóng, phát hành nội dung truyền thông.	x	x	Dự án 3, 6 và nguồn khác
17	Kiểm tra, giám sát, khảo sát, đánh giá thực hiện	x	x	Dự án 3, 7 và nguồn khác

Lưu ý: các mục 13, 15, 16, 17 cần sử dụng đúng nguồn kinh phí theo Hướng dẫn chuyên môn của Bộ Y tế và Thông tư tài chính hiện hành của Chương trình.

